

Bản án số: **06/2022/HNGĐ - ST**  
Ngày: 17 – 01 – 2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngọc
2. Bà Trần Thanh Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:***

Bà Đặng Vân Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2021/HNGĐ - ST ngày 04/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1083/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1154/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: 95 Khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 29/3 TL56, Tổ 11, Khu phố 2, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông **Thân Hồng Đ**, sinh năm 1975

Địa chỉ thường trú: 95 Khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 1844 H, ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021 và các lời trình bày có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Thân Hồng Đ tự nguyện chung sống với nhau, cùng đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 12/9/2005.

Quá trình chung sống với nhau (tại nhà chồng ở ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai), bà và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông Đ không tôn trọng cảm xúc của bà N khiến cho đời sống tâm sinh lý của vợ chồng không hòa hợp, bản thân ông Đ là người ham chơi, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, ghen tuông vô cớ. Đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Đ được nữa nên từ tháng 9 năm 2020, bà và ông Đ sống ly thân nhau, riêng bà và cháu Thân Hồng Bảo Ng chuyển về trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, dù đã nhiều lần bà và ông Đ liên lạc (qua điện thoại) để trao đổi, hòa giải với nhau nhưng không thể đoàn tụ được.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn ông Thân Hồng Đ
2. Về con chung: Bà và ông Thân Hồng Đ có 02 con chung, tên Thân Gia H, sinh ngày 12/5/2006 và Thân Hồng Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2013.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu H và 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu Ng.

Ngày 19/11/2021, Bà N nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu H và 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu Ng.

Nay bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, giao cháu H cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà và ông Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Bà N cam kết bà và ông Thân Hồng Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*\* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Thân Hồng Đ nhưng ông Đ không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Theo Biên bản xác minh ngày 08/10/2021 tại Công an xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai và Biên bản xác minh ngày 28/10/2021, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai thể hiện:*

Ông Thân Hồng Đ, sinh năm 1975 hiện nay đang cư trú, sinh sống tại ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, có đăng ký tạm trú tại địa phương.

Ông Thân Hồng Đ và bà Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn năm 2005 và được Ủy ban nhân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 12/9/2005.

Quá trình chung sống với nhau tại địa phương, ông Đ và bà N có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ.

Về tài sản chung, nợ chung của ông Đ và bà N: Địa phương không nắm rõ, không có ai đến Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai trình báo hay yêu cầu giải quyết các vấn đề về tài sản chung, nợ chung của ông Đ, bà N.

Về con chung: Ông Đ và bà N có 02 con chung tên Thân Gia H, sinh ngày 12/5/2006 và Thân Hồng Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2013. Về thu nhập cá nhân cũng như điều kiện nuôi con chung của ông Đ, bà N thì địa phương không nắm rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử tuyên:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu ông Thân Hồng Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu Thân Gia H và 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu Thân Hồng Bảo Ng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn”;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nuôi con chung: Giao cháu Thân Hồng Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Thân Gia H, sinh ngày 12/5/2006 cho ông Thân Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm thời bà N và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và giải quyết các vấn đề về nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2]. Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N; Bị đơn là ông Thân Hồng Đ.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do). Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Bà Nguyễn Thị N, ông Thân Hồng Đ tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 12/9/2005.

Căn cứ các Điều 09, 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N, ông Thân Hồng Đ là hợp pháp.

- Bà N và ông Đ sống ly thân nhau đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Đ để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt thể hiện ông không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà N và phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông Thân Hồng Đ.

[3.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N, ông Thân Hồng Đ có 02 con chung tên Thân Gia H, sinh ngày 12/5/2006 và Thân Hồng Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2013.

Ngày 19/11/2021, Bà N nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 2,5 triệu đồng/tháng đối

với cháu H và 2,5 triệu đồng/tháng đối với cháu Ng.

Nay bà N chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, giao cháu H cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà và ông Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại các Bản tự khai cùng đề ngày 28/10/2021 của cháu Thân Gia H và Thân Hồng Bảo Ng thể hiện: Khi ông Đ và bà N ly hôn, cháu H muốn được ở với bố, cháu Ng muốn được ở với mẹ.

Xét thấy:

- Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 129 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.3]. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 129, 147, 217, 220, 228, 244, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N

Xử: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Thân Hồng Đ.

3. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nuôi con chung. Giao cháu Thân Hồng Bảo Ng, sinh ngày 22/11/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Thân Gia H, sinh ngày 12/5/2006 cho ông Thân Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm thời bà N và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị N và ông Thân Hồng Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết, bà N, ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005622 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

8. Bà Nguyễn Thị N và ông Thân Hồng Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Vũ Ngọc Hiệp**